TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-KDTM	*Tp. Kon Tum, ngày 14 tháng 8 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 211; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N.

Địa chỉ: 198 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Sỹ Ngh - Phó giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Kon Tum.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) X.

Địa chỉ: Lô C7, khu công nghiệp H, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Xuân V - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị D.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH X phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ tính đến ngày 14/8/2019 là: 4.215.795.542 đồng *(Bốn tỷ, hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng)* trong đó, tiền gốc là 3.279.202.750

đồng *(Ba tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)* và tiền lãi là 936.592.792 đồng *(Chín trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng)*.

Nếu Công ty TNHH X không trả được số tiền trên cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm gồm:

1. Toàn bộ tài sản (bao gồm Nhà xưởng, vật kiến trúc, công trình xây dựng và bất động sản khác được xây dựng gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại Lô C7, đường Quy Hoạch (A3-A5) - Khu công nghiệp Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 519428 do ở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 07/8/2008) theo Hợp đồng thế chấp số 10/11/NHNT ngày 10/11/2015 giữa Ngân hàng TMCP N - chi nhánh Kon Tum với Công ty TNHH X.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 08 vị trí thửa đất tại Thôn 1, xã Hòa Bình,thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 132050 do UBND thị xã Kon Tum (Nay là thành phố Kon Tum), tỉnh Kon Tum cấp ngày 07/5/1990 theo Hợp đồng thế chấp số 26/12A/NHNT ngày 26/12/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Kon Tum với ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị D.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty TNHH X phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng).* Công ty TNHH X phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* mà Ngân hàng TMCP N đã tạm nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2019 giữa Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum với Ngân hàng TMCP N.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH X phải chịu 56.107.898 đồng *(Năm mươi sáu triệu, một trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 56.000.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001314 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hường